

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Số: 885/VINAINCON-TCKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: **Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam.**

Mã chứng khoán: VVN

Địa chỉ: Tòa nhà VINAINCON, số 5 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024 35142145 Fax: 024 38560629

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Chí Nguyễn – Tổng Giám đốc.

Loại thông tin công bố: ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước từ Bộ Công Thương sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) như sau:

- Thực hiện chủ trương của Chính phủ, ngày 29/12/2025 Bộ Công Thương là đại diện sở hữu 82,75% vốn chủ sở hữu của Tổng công ty đã ký Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Tổng công ty sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

- Tổng công ty thực hiện thủ tục đăng ký lại sở hữu cổ phần của nhà nước từ Bộ Công Thương về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Thông tin đã được công bố ngày 29/12/2025 và cập nhật trên website của Tổng công ty, tại địa chỉ http://vinaincon.com.vn/thong_tin_co_dong/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Chí Nguyễn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**CHUYỂN GIAO QUYỀN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TỪ BỘ CÔNG THƯƠNG VỀ TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

- Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

- Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 119/2021/TT-BTC ngày 23/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;



- Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

- Căn cứ công văn số 183/VPCP-ĐMDN ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại 02 Tổng công ty từ Bộ Công Thương về SCIC;

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2025 trụ sở Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Bộ Công Thương và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thống nhất lập Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam (VINAINCON) từ Bộ Công Thương về SCIC, cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN CHUYỂN GIAO

I. ĐẠI DIỆN BÊN GIAO: BỘ CÔNG THƯƠNG

Bà Phan Thị Thắng, Thứ trưởng Bộ Công Thương

(Theo Giấy ủy quyền số ~~10306~~ ngày ~~29~~/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

II. ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Ông Nguyễn Chí Thành, Chủ tịch Hội đồng thành viên

B. NỘI DUNG CHUYỂN GIAO

I. Số liệu chuyển giao

1. Giá trị vốn đầu tư của Nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước là: **455.125.000.000 đồng**. Số cổ phần nhà nước chuyển giao (đối với công ty cổ phần) là **45.512.500 cổ phần** (chi tiết theo Phụ lục số 1 kèm theo).

2. Các khoản tiền của Nhà nước còn phải thu từ doanh nghiệp (bao gồm cả lãi chậm nộp nếu có): **781.620.000 đồng** là tiền Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam còn phải thu từ người lao động nghèo mua cổ phần ưu đãi trả chậm tại các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam khi được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước (chi tiết theo Phụ lục số 2 Hồ sơ kèm theo).

II. Hồ sơ tài liệu kèm theo

1. Danh mục Hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/08/2018 của Bộ Tài chính và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 119/2021/TT-BTC ngày 23/12/2021 của Bộ Tài chính, bao gồm:

a) Báo cáo giá trị vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam (chi tiết theo Phụ lục số 1).

b) Báo cáo các khoản tiền nhà nước còn phải thu hồi từ Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam (chi tiết theo Phụ lục số 2).

0199
ÔNG
ĐẠI
KINH
ÔN
C
1
HÀNH

c) Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam (*chi tiết theo Phụ lục số 3*).

d) Thông tin về người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam (*chi tiết theo Phụ lục số 4*).

2. Các tài liệu pháp lý của Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam kèm theo hồ sơ, bao gồm: Danh mục theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 119/2021/TT-BTC ngày 23/12/2021 của Bộ Tài chính.

III. Các vấn đề tiếp tục thực hiện sau chuyển giao

1. Số liệu vốn chuyển giao, tình hình doanh nghiệp căn cứ vào báo cáo của doanh nghiệp và Người đại diện vốn tại thời điểm 30/6/2025 (đã soát xét).

Trường hợp sau khi chuyển giao, nếu số liệu tại Hồ sơ chuyển giao có thay đổi, các bên liên quan theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 119/2021/TT-BTC ngày 23/12/2021 phối hợp làm rõ nguyên nhân, đưa ra biện pháp xử lý và điều chỉnh lại số liệu chuyển giao chính thức.

2. Các tồn tại cần tiếp tục giải quyết:

- Vấn đề 1: Tiếp tục thu tiền bán cổ phần ưu đãi cho người lao động trả chậm tại các đơn vị số tiền 781.620.000 đồng để nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp (nay là ngân sách nhà nước).

- Vấn đề 2: Tiếp tục xử lý các tồn tại của Dự án Nhà máy xi măng Thái Nguyên – Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn:

+ Các tồn tại nêu tại Kết luận Thanh tra/kiểm toán.

+ Phê duyệt quyết toán Dự án Nhà máy xi măng Thái Nguyên (Công ty đã có công văn số 461/VINAINCON-TCKT ngày 12/10/2017 báo cáo Bộ Công Thương).

- Các tồn tại khác có liên quan.

IV. Trách nhiệm của các bên liên quan cần tiếp tục thực hiện sau khi chuyển giao

1. Trách nhiệm của Bộ Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan và SCIC tiếp tục xử lý các vấn đề tồn tại chưa được giải quyết và các tồn tại khác liên quan đến quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam; các tồn tại về tài chính (nếu có) phát sinh trước thời điểm ký Biên bản chuyển giao (bao gồm các vấn đề đã nêu hoặc chưa được nêu tại Biên bản chuyển giao).

- Thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận thanh tra số 65/KL-TTCTP ngày 06/3/2025.

2. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam:

292
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với SCIC và Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam tiếp tục xử lý các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp phát sinh trước thời điểm ký Biên bản chuyển giao.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam chỉ đạo, đôn đốc các Công ty, Đơn vị của Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam khi được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước thu hồi từ người lao động nộp tiền mua cổ phần ưu đãi trả chậm, nộp về Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam để Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam chuyển trả cho Nhà nước.

- Phối hợp với doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký lại sở hữu cổ phần của nhà nước từ Bộ Công Thương về SCIC.

- Báo cáo Bộ Công Thương phê duyệt Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành - Dự án nhà máy Xi măng Thái Nguyên.

3. *Trách nhiệm của SCIC:* Tiếp nhận, thực hiện quyền và nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu vốn tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam kể từ thời điểm nhận chuyển giao theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC và Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 151/2013/NĐ-CP.

V. Biên bản này được các bên thống nhất và được lập thành 04 bản có giá trị như nhau để gửi các bên có liên quan

1. 01 bản cho Bộ Công Thương.
2. 01 bản cho SCIC.
3. 01 bản lưu tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam.
4. 01 bản gửi Bộ Tài chính.

**BÊN CHUYỂN GIAO
KT. Q. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Thị Thắng

**BÊN NHẬN CHUYỂN GIAO
TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chí Thành

PHỤ LỤC SỐ 1

Báo cáo giá trị vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp

(Kèm theo Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam từ Bộ Công Thương về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước)

Nội dung	Số liệu	Ghi chú
I. Số liệu chuyển giao (số liệu tại thời điểm 31/12/2024):		
1. Giá trị vốn nhà nước (theo mệnh giá) (đồng)	455.125.000.000	
2. Số lượng cổ phần nhà nước (đối với Công ty cổ phần): cổ phần	45.512.500	
3. Tỷ lệ vốn nhà nước/vốn điều lệ của Công ty (%)	82,75	
II. Một số thông tin về Công ty có vốn nhà nước chuyển giao:		
1. Thông tin theo Giấy chứng nhận ĐKKD cấp lần đầu:		
- Số giấy chứng nhận ĐKKD	112426	
- Ngày cấp	21/10/1998	
- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty (đồng), trong đó:	263.111.000.000	
+ Vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty (đồng)	263.111.000.000	
+ Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại Công ty (%)	100	
+ Số lượng cổ phần của nhà nước		
- Tên doanh nghiệp	Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam	
- Địa chỉ, điện thoại, Fax	- Tòa nhà VINAINCON, Số 5 đường Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. 024.35142145/024.38560629	

- Ngành nghề kinh doanh chính	Xây dựng công nghiệp	
2. Thông tin theo Giấy chứng nhận ĐKDN lần 7 cấp ngày 19/08/2020:		
- Số giấy chứng nhận ĐKKD	0100779365	
- Ngày cấp	19/08/2020	
- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty (đồng), trong đó:	550.000.000.000	
+ Vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty (đồng)	455.125.000.000	
+ Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại Công ty (%)	82,75	
+ Số lượng cổ phần của nhà nước	45.512.500	
- Tên doanh nghiệp	Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam	
- Địa chỉ, điện thoại, Fax	- Tòa nhà VINAINCON, Số 5 đường Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. 024.35142145/024.38560629	
- Ngành nghề kinh doanh chính	Xây dựng công nghiệp	

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC -
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Chí Nguyễn

Ngày 19 Tháng 12 năm 2025
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Anh Tấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Khánh Hằng

PHỤ LỤC SỐ 2

Báo cáo các khoản tiền nhà nước còn phải thu hồi từ doanh nghiệp

(Kèm theo Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại
Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam từ Bộ Công Thương
về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước)

Đơn vị: Đồng

Nội dung	Số tiền
1. Số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp:	
1.1. Tổng số phát sinh phải nộp	3.166.591.426
1.2. Số đã nộp	3.166.591.426
1.3. Lãi chậm nộp (nếu có)	
1.4. Số còn phải nộp	
2. Số tiền bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:	
2.1. Tổng số phát sinh phải nộp	
2.2. Số đã nộp	
2.3. Lãi chậm nộp (nếu có)	
2.4. Số còn phải nộp	
3. Lợi nhuận, cổ tức được chia trên vốn nhà nước:	
3.1. Tổng số phát sinh phải nộp	40.606.121.868
3.2. Số đã nộp	40.606.121.868
3.3. Lãi chậm nộp (nếu có)	
3.4. Số còn phải nộp	
4. Số tiền nhà nước phải thu hồi của người lao động mua cổ phần trả chậm (=4.1 - 4.2 + 4.3 + 4.4):	
4.1. Tổng số phát sinh phải thu	2.619.550.000
4.2. Số đã thu	1.837.930.000
4.3. Lãi chậm nộp (nếu có)	
4.4. Số còn phải thu	781.620.000
5. Giá trị cổ phần nhà nước cấp cho người lao động hưởng cổ tức:	



5.1. Tổng số phát sinh phải thu	
5.2. Số đã thu hồi	
5.3. Số còn phải thu	
6. Khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ	
7. Tổng số đã nộp ($7=1.2 + 2.2 + 3.2 + 4.2 + 5.2$)	45.610.643.294
8. Tổng số còn phải thu hồi ($8=1.4 + 2.4 + 3.4 + 4.4 + 5.3 + 6$)	781.620.000

(Số liệu báo cáo tại thời điểm lập Hồ sơ chuyển giao)

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC -
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Chí Nguyễn

Ngày 29 Tháng 11 năm 2025
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Anh Tấn



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Khánh Hằng

PHỤ LỤC SỐ 3

Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

(Kèm theo Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại
Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam từ Bộ Công Thương
về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước)

1. Tên doanh nghiệp: Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
2. Địa chỉ: Tòa nhà VINAINCON, số 5 đường Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội
3. Điện thoại: 02435142145
4. Fax: 02438560629
5. Giấy đăng ký doanh nghiệp số: 0100779365
- Ngày: 19/08/2020
6. Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công nghiệp.
7. Vốn điều lệ: 550.000.000.000 đồng, trong đó:
 - Vốn nhà nước: 455.125.000.000 đồng.
 - Số cổ phần nhà nước nắm giữ: 45.512.500 cổ phần.

8. Một số chỉ tiêu tài chính:

8.1. Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2025 (số liệu đã được soát xét):

a/ Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (30/06/2025)	Số đầu kỳ (01/01/2025)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100 - BCĐKT	2.545.988.662.064	2.703.190.923.057
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110 - BCĐKT	148.901.694.026	185.820.876.553
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120 - BCĐKT	9.953.165.502	11.125.871.694
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	1.397.356.907.979	1.429.226.838.921
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi (số đã được trích lập dự phòng)		(203.898.371.642)	(198.269.523.948)
4. Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	968.056.398.867	1.046.054.481.642
5. Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	21.720.495.690	30.962.854.247
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200 - BCĐKT	1.928.631.078.334	2.031.069.027.642
1. Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	9.761.254.888	10.012.864.292
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
2. Tài sản cố định	220 - BCĐKT	1.659.336.766.423	1.761.385.797.141
- Tài sản cố định hữu hình	221 - BCĐKT	1.646.389.514.157	1.749.119.229.990
- Tài sản cố định thuê tài chính	224 - BCĐKT	3.254.166.660	2.494.598.761

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (30/06/2025)	Số đầu kỳ (01/01/2025)
- Tài sản cố định vô hình	227 - BCĐKT	9.693.085.606	9.771.968.390
3. Bất động sản đầu tư	230 - BCĐKT	1.000.000.000	1.000.000.000
4. Tài sản dở dang dài hạn	240 - BCĐKT	16.151.417.558	8.317.676.800
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	102.400.816.940	102.400.816.940
6. Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	139.980.822.525	147.951.872.469
C. NỢ PHẢI TRẢ	300 - BCĐKT	6.760.217.674.061	6.838.873.464.952
1. Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	2.977.488.660.976	3.092.029.940.019
Trong đó: Nợ quá hạn		44.141.617.613	44.141.617.613
2. Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	3.782.729.013.085	3.746.843.524.933
Trong đó: Nợ quá hạn		1.953.348.465.706	1.794.959.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400 - BCĐKT	(2.285.597.933.663)	(2.104.613.514.253)
1. Vốn chủ sở hữu	410 - BCĐKT	(2.285.597.933.663)	(2.104.613.514.253)
- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	550.000.000.000	550.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	412 - BCĐKT		
- Vốn khác của chủ sở hữu	414 - BCĐKT		
- Quỹ đầu tư phát triển	418 - BCĐKT	71.796.568.420	68.827.404.299
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT		
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	(3.128.291.261.651)	(2.945.035.828.847)
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	422 - BCĐKT		
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430 - BCĐKT		

b/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ trước (năm 2024)	Kỳ báo cáo (6 tháng năm 2025)
1. Tổng doanh thu		4.437.648.458.252	1.866.354.704.332
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 - BCKQKD	4.400.581.169.818	1.851.063.413.607

- Doanh thu hoạt động tài chính	21 - BCKQKD	2.219.150.829	1.321.923.223
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	28 - BCKQKD	1.810.083.758	
- Thu nhập khác	31 - BCKQKD	33.038.053.847	13.969.367.502
2. Tổng chi phí		4.894.979.141.513	2.022.386.014.426
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50 - BCKQKD	(457.330.683.261)	(156.031.310.094)
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60 - BCKQKD	(467.677.225.677)	(162.255.881.168)
5. Cổ tức, lợi nhuận được chia trên vốn Nhà nước			

8.2. Báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng năm 2025 (số liệu đã được soát xét):

a/ Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (30/06/2025)	Số đầu kỳ (01/01/2025)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100 - BCĐKT	859.051.778.895	841.333.505.357
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110 - BCĐKT	17.757.655.217	43.646.024.251
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120 - BCĐKT		1.400.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	719.426.681.777	697.489.183.427
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi (số đã được trích lập dự phòng)		(82.624.594.741)	(82.636.019.241)
4. Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	113.412.931.660	89.283.204.630
5. Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	8.454.510.241	9.515.093.049
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200 - BCĐKT	319.545.374.070	319.928.693.635
1. Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT		
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
2. Tài sản cố định	220 - BCĐKT	1.750.763.082	2.044.860.374
- Tài sản cố định hữu hình	221 - BCĐKT	1.750.763.082	2.044.860.374
- Tài sản cố định thuê tài chính	224 - BCĐKT		

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (30/06/2025)	Số đầu kỳ (01/01/2025)
- Tài sản cố định vô hình	227 - BCĐKT		
3. Bất động sản đầu tư	230 - BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240 - BCĐKT		
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	304.120.430.660	304.120.430.660
6. Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	13.674.180.328	13.763.402.601
C. NỢ PHẢI TRẢ	300 - BCĐKT	441.459.906.505	424.182.117.504
1. Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	428.028.686.505	410.750.897.504
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	13.431.220.000	13.431.220.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400 - BCĐKT	737.137.246.460	737.080.081.488
1. Vốn chủ sở hữu	410 - BCĐKT	550.000.000.000	550.000.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	550.000.000.000	550.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	412 - BCĐKT		
- Vốn khác của chủ sở hữu	414 - BCĐKT		
- Quỹ đầu tư phát triển	418 - BCĐKT	1.273.000.000	
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT		
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	185.881.964.640	187.097.799.668
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	422 - BCĐKT		
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430 - BCĐKT		

b/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ trước (năm 2024)	Kỳ báo cáo (6 tháng năm 2025)
1. Tổng doanh thu		667.159.153.248	223.016.744.391

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 - BCKQKD	630.113.889.175	202.241.412.131
- Doanh thu hoạt động tài chính	21 - BCKQKD	34.543.485.757	19.676.158.387
- Thu nhập khác	31 - BCKQKD	2.501.778.316	1.099.173.873
2. Tổng chi phí		662.128.830.519	219.202.579.419
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50 - BCKQKD	5.030.322.729	3.814.164.972
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60 - BCKQKD	5.030.322.729	3.814.164.972
5. Cổ tức, lợi nhuận được chia trên vốn Nhà nước			

9. Phần phân tích đánh giá và kiến nghị: (trong đó nêu rõ các tồn tại và đề xuất hướng xử lý).

9.1. Các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Công ty:

(1) Về các khoản phải thu:

- Các khoản phải thu chiếm tỷ trọng 61% tổng tài sản, trong đó phải thu ngắn hạn chiếm trên 100% tổng giá trị các khoản phải thu. Nhìn chung, việc quản lý và thu hồi các khoản phải thu của Vinaincon chưa hiệu quả, gặp nhiều khó khăn, vòng quay các khoản phải thu thấp, dẫn đến ảnh hưởng tới dòng tiền của Công ty (6 tháng đầu năm 2025, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 37 tỷ đồng).
- Một số khoản Phải thu ngắn hạn của Công ty đã phát sinh nhiều năm, có rủi ro khó thu hồi tại bảng dưới đây:

TT	Tên khách hàng	Giá trị tại 30/06/2025	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	2.435.731.909	Ý kiến của Bộ Công Thương (tại Công văn số 6580/BCT-KHTC ngày 29/8/2025 của Bộ Công Thương) và của Người đại diện vốn tại Vinaincon (tại Công văn số 553/VINAINCON-DDV ngày 18/7/2025): - Đối với các khoản phải thu tại Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc, CTCP Cơ khí xây lắp hóa chất, Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất, Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn: Hiện tại Vinaincon và các công ty này có giao dịch, thi công một số dự án do Vinaincon làm tổng thầu/Chủ đầu tư chưa quyết toán, Vinaincon xác định vẫn thu hồi được các khoản công nợ này nên chưa trích lập dự phòng. + Đối với khoản phải thu ngắn hạn tại Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn ("Công ty XMQS"): Chủ yếu là các khoản nợ Vinaincon đứng ra vay khi làm dự án đầu tư, sau khi
2	CTCP Cơ khí xây lắp hóa chất	13.844.892.847	
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất	7.358.346.770	
4	Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn	438.856.250.060	
	Tổng	462.495.221.586	

TT	Tên khách hàng	Giá trị tại 30/06/2025	Ghi chú
			Công ty XMQS thành lập đã kế thừa toàn bộ nghĩa vụ của Dự án. Vinaincon đang báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, VDB cơ cấu lại nợ, tháo gỡ khó khăn cho Công ty. Vinaincon xác định công nợ này vẫn thu hồi được nên không trích lập dự phòng.

(2) Cơ cấu hàng tồn kho của Công ty mẹ và các công ty con:

Tên đơn vị (Công ty mẹ, Công ty con)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị hàng tồn kho tại ngày 30/6/2025				Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
		(chi tiết từng loại hàng chủ yếu)				
		Hàng hóa, thành phẩm	Nguyên vật liệu, CCDC	Hàng gửi đi bán	Chi phí SXKD dở dang	
Công ty mẹ			8.437.525.834		117.118.015.387	(12.142.609.561)
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	100%	734.511.213	6.308.940.560		237.702.167.604	
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	100%	69.440.940	11.141.965.099		135.266.819.958	
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	100%	23.949.893.601	69.689.307.353		11.861.529.129	
Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất	100%				28.387.518.873	
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	100%	2.465.100	1.378.901.188		4.617.428.146	
Công ty CP bê tông ly tâm An Giang	50,69%	30.126.927.934	26.426.133.751		13.495.200	
Công ty CP bê tông ly tâm Thủ Đức	51%	58.574.470.267	55.619.627.340	40.692.014.888	28.834.288.182	(46.590.588)
Công ty CP Xây lắp và sản xuất công nghiệp	52,15%		764.691.451		67.334.670.832	
Công ty CP Đầu tư xây dựng số 5	51%	975.615.255	61.626.391		5.505.276.842	
Công ty CP Cơ khí xây lắp hóa chất	71,42%		117.487.167		8.532.843.531	
Tổng cộng		114.433.324.310	179.946.206.134	40.692.014.888	645.174.053.684	(12.189.200.149)

(3) Về hoạt động đầu tư tài chính dài hạn

TT	Tên đơn vị (Công ty mẹ, Công ty con/liên kết/khác)	Vốn đầu tư (TK 221,222,228) Cty mẹ tại BCTC...	Dự phòng giảm giá đầu tư tại BCTC 30/6/2025	Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi đầu tư tại BCTC 30/6/2025	Các kết luận thanh tra liên quan (nếu có)	Thông tin về tình hình phá sản, kiện cáo liên quan	Các khoản bảo lãnh của Vinaincon đối với Cty con, liên kết, khác	Ghi chú
1	Công ty mẹ	550.000.000.000		185.881.964.640	Kết luận số 65/KL-TTCP ngày 06/3/2025 của Thanh tra Chính phủ			
2	Công ty con	473.305.672.855	(232.013.642.449)	(3.574.959.884.909)				
1	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	70.000.000.000	-	(2.159.293.412)				số liệu hợp nhất
2	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	90.000.000.000	-	2.390.639.162				
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	-	-	(93.333.867.385)				

4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(54.747.341.527)				
5	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	200.000.000.000	(200.000.000.000)	(3.378.805.924.849)				
6	Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	38.035.530.934	-	12.170.151.281				số liệu hợp nhất
7	Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	15.278.557.273	-	17.137.911.184				
8	Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	12.201.283.784	-	1.387.145.394				
9	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	24.386.208.045	(14.334.308.294)	(32.270.054.229)				
10	Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hóa chất	4.024.058.696	(4.024.058.696)	(38.545.784.888)				
11	Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	2.792.888.482	(486.862.729)	(1.959.291.660)				
12	Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	4.547.145.641	(1.335.164.074)	(2.629.568.772)				
13	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	2.040.000.000	(1.833.248.656)	(3.594.605.208)				
3	Công ty liên doanh, liên kết	54.263.592.152	(9.016.467.441)	(15.234.787.509)				
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	6.634.922.757	-	316.908.107				
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	14.300.768.318	-	6.031.831.233				
3	Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	2.730.001.416	(569.134.255)					không có BCTC 2024
4	Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	742.806.389	(500.665.396)	(1.232.161.260)				
5	Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	8.010.131.008	(7.946.667.790)	(45.471.627.286)				
6	Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	2.428.000.000	-	7.204.333.783				
7	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	6.208.620.000	-	10.620.427.410				
8	Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	13.208.342.264	-	7.295.500.504				
4	Đầu tư dài hạn khác	28.883.043.675	(11.301.768.132)	1.022.708.713.913				
1	Công ty CP Lắp máy và Xây dựng Miền Nam	779.612.900	(543.980.185)	(5.912.420.814)				
2	Công ty Cổ phần ĐT và Sản xuất công nghiệp	4.123.185.470	-	(171.811.050.643)				
3	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	10.032.000.000	(10.032.000.000)					không có BCTC 2024
4	Công ty CP Tư vấn TK Công nghiệp dân dụng	899.972.230	-	2.807.857.532				
5	Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công	2.100.925.000	(725.787.947)	(6.591.763.114)				
6	Công ty CP TM Xây lắp CN Thăng Long	2.086.292.176	-	6.512.488.333				
7	Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	8.861.055.899	-	1.197.703.602.619				
	Cộng	556.452.308.682	(252.331.878.022)	(2.567.485.958.505)	-	-	-	-

Ghi chú: Phần lợi nhuận (lỗ) lũy kế sau khi đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác lấy theo số liệu trong BCTC năm 2024.

- Vinaincon hiện có vốn đầu tư tại 28 công ty (gồm 13 công ty con và 15 công ty liên kết, công ty khác) với tổng giá trị 556,4 tỷ đồng (bằng 101% Vốn điều lệ Vinaincon). Hoạt động của các đơn vị thành viên không hiệu quả dẫn đến Vinaincon phải trích lập dự phòng 252,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 45,3% tổng giá trị đầu tư.

- Ngoài ra, Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2025 đã được soát xét của một số công ty con có ý kiến ngoại trừ có thể ảnh hưởng đến số liệu tài chính, như:

+ Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 có khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chưa xác định được tính hợp lý ~ 29 tỷ đồng;

+ Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất chưa trích lập dự phòng (khoản phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho...) với giá trị ~ 41 tỷ đồng;

+ Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc chưa trích lập dự phòng (khoản phải thu khó đòi và giảm giá hàng tồn kho) với giá trị ~ 4,3 tỷ đồng;

+ CTCP Xây lắp và sản xuất công nghiệp chưa trích lập dự phòng (khoản phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho, chi phí SXKD dở dang...) với giá trị ~ 90,42 tỷ đồng;

Nếu các công ty con trích lập dự phòng theo số liệu trên thì số lỗ tại các công ty con sẽ tăng tương ứng dẫn tới việc Vinaincon phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư thêm 79,3 tỷ đồng (trích lập dự phòng 70 tỷ tại Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2, trích lập dự phòng 9,36 tỷ tại CTCP Xây lắp và sản xuất công nghiệp).

- Hiện tại, Vinaincon chưa có Chiến lược/Đề án Tái cơ cấu các đơn vị thành viên.

(4) Về Dự án Nhà máy xi măng Thái Nguyên

*** Cơ sở thành lập:**

- Dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vào năm 2002 với tổng mức đầu tư 2.775 tỷ đồng. Vốn đầu tư của Dự án chủ yếu từ vốn vay, chiếm 95% tổng mức đầu tư của Dự án¹. Tháng 6/2007, HĐQT Vinaincon đã có phê duyệt điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư lên 3.119,022 tỷ đồng. Đến hiện tại, tổng mức đầu tư đề nghị quyết toán của Dự án là hơn 3.791 tỷ đồng, tăng 1.016 tỷ đồng (tương đương 36% so với phương án đầu tư được phê duyệt ban đầu).

- Dự án hoàn thành chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7/2011. Vinaincon thành lập Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn với vốn điều lệ 200 tỷ đồng (100% vốn của Vinaincon).

- Đến thời điểm này, Dự án Xi măng Quang Sơn chưa quyết toán Dự án.

*** Kết quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty XMQS):**

- Từ khi đi vào hoạt động từ tháng 7/2011 đến 30/6/2025 (14 năm), Công ty XMQS tiêu thụ được 9.651.361 tấn xi măng, chỉ đạt 44% so với khả năng sản xuất theo công suất thiết kế; tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 11.968.098 triệu đồng; kết quả kinh doanh (bao gồm cả lỗ chênh lệch tỷ giá²) lỗ 3.380.740 triệu đồng (Dự án đã bị lỗ liên tục từ

¹ Dự án vay từ các nguồn: Vay Ngân hàng BNP-Paribas 58,9 triệu EURO; vay Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài - Bộ Tài chính (nguồn ADB) 26,3 triệu USD (gồm cả lãi trong thời gian xây dựng), vay Ngân hàng thương mại 438 tỷ đồng (gồm cả lãi trong thời gian xây dựng); Vay Ngân hàng phát triển Việt nam 1.023 tỷ đồng; vốn tự có và vốn khác 323 tỷ đồng.

² Chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá (đã loại trừ lãi vay được xóa do cơ cấu nợ và lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá) là 2.383.950 triệu đồng, chiếm 71% số lỗ.

năm 2011 đến hết năm 2024, trừ năm 2016 kết quả kinh doanh có lãi do dự án được Chính phủ cơ cấu nợ vay trung, dài hạn).

- Kể từ khi đi vào hoạt động đến 30/06/2025, Công ty XMQS đã thanh toán nợ vay được 2.024 tỷ đồng³. Tại thời điểm 30/06/2025, số dư vay dài hạn để đầu tư Dự án là 4.057,1 tỷ đồng. Tổng số nợ vay Bộ Tài chính và các tổ chức tín dụng đã quá hạn thanh toán đến thời điểm 30/06/2025 là 1.953 tỷ đồng.

- Đến hết 30/06/2025, vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn (pháp nhân vận hành Nhà máy Xi măng Thái Nguyên – sau đây viết tắt là “Công ty XMQS”) âm 3.178 tỷ đồng, lỗ lũy kế của Công ty XMQS là 3.378 tỷ đồng. Với nợ vay đầu tư lớn, trong khi hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty không có đủ khả năng trả nợ theo lịch hàng năm tại các tổ chức tín dụng (bình quân Công ty phải trả nợ khoảng trên 350 tỷ/năm tùy thuộc tỷ giá ngoại tệ USD, EURO). Việc không đảm bảo thanh toán các khoản nợ dài hạn đúng thời gian sẽ dẫn đến việc phát sinh nợ xấu, hiện tại Vinaincon đang có lịch sử xếp hạng tín dụng doanh nghiệp nhóm 2 do Công ty XMQS chậm trả khoản nợ vay đầu tư tại các ngân hàng thương mại.

*** Về nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty XMQS:**

Các khoản nợ của Công ty XMQS sẽ đáo hạn trong năm 2026 – 2027 (do Vinaincon bảo lãnh khoản vay):

TT	Bên cho vay	ĐV tính	Tổng dư nợ	Đáo hạn năm 2026	Đáo hạn năm 2027
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	trđ	1.313.522	118.896	118.896
	Gốc	trđ	908.755	118.896	118.896
	Lãi	trđ	404.767		
2	Ngân hàng Thương mại (BIDV)	trđ	21.400	-	-
	Gốc	trđ	19.900		
	Lãi	trđ	1.500		
3	Bộ Tài chính vay Đầu tư (USD)	trđ	1.044.961	93.146	858.669
	Gốc+ lãi cơ cấu + phí quản lý	trđ	906.511	93.146	720.218
	Lãi phạt chậm trả	trđ	138.450		138.450
4	Bộ Tài chính vay trả BNP (EURO)	trđ	1.469.651	119.928	1.229.794
	Gốc+ lãi cơ cấu	trđ	1.199.281	119.928	959.425
	Lãi phạt	trđ	203.475		203.475
	Phí	trđ	66.894		66.894
	Tổng cộng		3.849.534	331.970	2.207.359

(5) Công tác quyết toán thầu phụ trong Phần C của Dự án Tisco 2

- Việc quyết toán khối lượng thực hiện theo Hợp đồng của Vinaincon tại Dự án Tisco 2 hiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc, chưa được các bên thống nhất và hoàn tất thủ tục thanh toán. Đến hiện tại, Vinaincon chưa thu hết được khoản tiền xây lắp cho Hợp đồng này (Tại ngày 30/6/2025, công nợ phải thu khó đòi tại Tisco là 27,19 tỷ đồng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Công trình nhà máy Gang thép Tisco giai đoạn 2 là 11,8 tỷ đồng. Cả 02 khoản trên Vinaincon đã trích lập toàn bộ 38,99 tỷ đồng).

³ Công ty đã trả nợ cho các tổ chức tín dụng là 1.982,5 tỷ đồng và trả cho các nhà thầu Dự án là 107,1 tỷ đồng.

- Các vướng mắc còn phải xử lý khi quyết toán với TISCO:

+ *Về khối lượng*: Hiện nay TISCO đang tập trung làm quyết toán khối lượng cùng MCC, tuy nhiên mục tiêu chính của TISCO là để thống nhất quyết toán với MCC mà không phải ưu tiên quyết toán với các nhà thầu trong nước, vì thế khi quyết toán khối lượng, Vinaincon gặp khó trong việc phối hợp như: các nội dung và bảng biểu phải làm theo MCC yêu cầu, nhiều thông tin không thuộc về Vinaincon nhưng vẫn phải điền đủ thì MCC mới ký khối lượng; TISCO không chủ động điều tiết MCC mà để cho Vinaincon chủ động làm việc với MCC; bảng khối lượng quyết toán chi tiết chỉ có MCC ký, hiện Tisco và Tư vấn giám sát của Tisco chưa có kế hoạch ký....

+ *Về đơn giá*: do đơn giá được quy định trong hợp đồng là giá thời điểm của thông báo giá nên phụ thuộc rất nhiều vào thời điểm được ghi theo Biên bản nghiệm thu. Mặt khác đơn giá lại phụ thuộc vào việc thẩm định giá của đơn vị tư vấn quản lý dự án của Chủ đầu tư nên có nhiều mâu thuẫn trong việc xác định đơn giá giữa thời điểm lập dự toán và thời điểm áp giá thanh quyết toán.

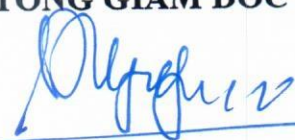
+ Nhiều công việc thuộc biện pháp thi công và công việc đặc biệt chưa thống nhất phương án tính khối lượng và đơn giá áp dụng;

+ Một số vật tư và khối lượng Kết cấu thép dờ đang tại các đơn vị sản xuất đã bị tồn kho qua nhiều năm và được đơn vị sử dụng vào việc khác nên phải kiểm kê lại trước khi làm quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Tư vấn giám sát của Chủ đầu tư đã hết hiệu lực hợp đồng, bộ máy mới của MCC không biết về dự án nên hợp tác rất khó.

10. Kiến nghị:

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC -
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Chí Nguyễn

Ngày 24 tháng 12 năm 2025
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Anh Tấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Khánh Hằng

PHỤ LỤC SỐ 4

Thông tin về Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

(Kèm theo Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam từ Bộ Công Thương về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước)

TT	Nội dung	Ghi chú
1.	Sơ yếu lý lịch Người đại diện	(Sơ yếu lý lịch có kèm theo các văn bằng chứng chỉ có liên quan)
2.	Bản sao Thẻ căn cước công dân	
3.	Điện thoại	
	- Ông Trần Anh Tấn	0904106501
	- Ông Đỗ Chí Nguyễn	0972257368
	- Bà Nguyễn Thị Khánh Hằng	0904261581
4.	Địa chỉ thường trú	
	- Ông Trần Anh Tấn	Số 15 ngõ 7 Nguyễn Hồng, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội)
	- Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổ 24, xã Phúc Thịnh, TP. Hà Nội)
	- Bà Nguyễn Thị Khánh Hằng	Số nhà 61, ngõ 304 đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, TP. Hà Nội)
5.	Tổng số cổ phần nhà nước được ủy quyền đại diện tại doanh nghiệp.	
	- Ông Trần Anh Tấn	17.000.000
	- Ông Đỗ Chí Nguyễn	16.000.000
	- Bà Nguyễn Thị Khánh Hằng	12.512.500
6.	Chức vụ tại doanh nghiệp	
	- Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty

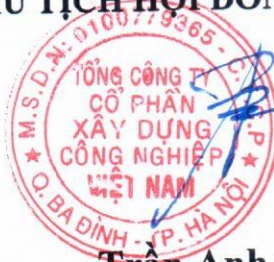
	- Ông Đỗ Chí Nguyễn	Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty
	- Bà Nguyễn Thị Khánh Hằng	Ủy viên Hội đồng quản trị
7.	Bản sao Văn bản giao quyền đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp (số, ngày, tháng của văn bản), các giấy tờ khác liên quan	
	- Quyết định số 1268/QĐ-BCT ngày 27/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước và điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ phần vốn nhà nước tại Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC -
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Chí Nguyễn

Ngày 29 Tháng 11 năm 2025
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Anh Tấn



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Khánh Hằng